

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH THANH HÓA**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):** Mức nước trên các sông xuống thấp dần.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước xuống thấp dần.

**Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều):** Mức nước xuống thấp dần.

**Lưu vực sông Yên:** Mức nước lũ xuống thấp dần

**2. Dự báo, cảnh báo:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi):** Mức nước trên các sông xuống thấp dần.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước xuống thấp dần.

**Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều):** Mức nước xuống thấp dần.

**Lưu vực sông Yên:** Mức nước xuống thấp dần.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong 24 giờ tới: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế - xã hội, gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo 11h25 ngày 03/10/2025**

**Tin phát lúc: 11h25 ngày 02/10/2025**

**Dự báo viên**



**Nguyễn Danh Lam**

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông không ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm        | Thực đo  | Dự báo    |           |          |          |
|------|-------------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
|      |             | 7h/02/10 | 13h/02/10 | 19h/02/10 | 1h/03/10 | 7h/03/10 |
| Mã   | Mường Lát   | 16796    | 16790     | 16780     | 16770    | 16760    |
| Mã   | Hồi Xuân    | 5734     | 5700      | 5675      | 5650     | 5625     |
| Mã   | Cầm Thủy    | 1590     | 1570      | 1550      | 1525     | 1500     |
| Mã   | Lý Nhân     | 877      | 840       | 805       | 770      | 735      |
| Bưởi | Thạch Quảng | 1568     | 1530      | 1490      | 1450     | 1400     |
| Bưởi | Kim Tân     | 1353     | 1320      | 1290      | 1260     | 1330     |
| Âm   | Lang Chánh  | 4819     | 4815      | 4800      | 4790     | 4780     |
| Chu  | Cửa Đạt     | 2900     | 2905      | 2890      | 2880     | 2870     |
| Chu  | Bái Thượng  | 1404     | 1380      | 1355      | 1330     | 1310     |
| Chu  | Xuân Khánh  | 617      | 630       | 605       | 580      | 550      |

Bảng 2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm       | Thực đo         |                 | Dự báo          |                 |
|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|      |            | Hmax<br>(t-24h) | Hmin<br>(t-24h) | Hmax<br>(t+24h) | Hmin<br>(t+24h) |
| Mã   | Giàng (**) | 628             | 423             | 420             | 300             |
| Mã   | Quảng Châu | 205             | 76              | 180             | 65              |
| Lèn  | Lèn        | 595             | 476             | 480             | 420             |
| Lèn  | Cụ Thôn    | 496             | 398             | 390             | 310             |
| Yên  | Chuối      | 369             | 303             | 300             | 230             |
| Yên  | Ngọc Trà   | 156             | 88              | 140             | 85              |

Ghi chú: Trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm:

